

Bản án số: 72/2026/DS-PT

Ngày 24/3/2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Ông Vũ Việt Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lê Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2025/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2025/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 78/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc N, sinh năm: 1968 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1974. Địa chỉ: H đường T, phường H, quận L, nay là phường H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Ông Mai Quốc V, sinh năm 1994. Địa chỉ: H đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền ngày 18/8/2025). Có mặt.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1972. HKTT: Tổ F, phường H, quận L, nay là phường H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: Thôn S, xã H, huyện H,

nay là xã B, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị Á, sinh năm: 1971. HKTT: Tô D, phường H, quận L, nay là phường L, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: 05 đường N, phường H, quận L, nay là phường L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Á: Ông Trần Văn M, sinh năm: 1964. Địa chỉ: 4 đường M, phường H, thành phố Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền ngày 30/9/2025). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Hồ Thị Á là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Hồ Ngọc N, bà Nguyễn Thị Thanh T là ông Mai Quốc V trình bày:* Vào năm 2023, ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị Á (là em gái ruột của ông N), có mượn sổ đỏ của vợ chồng ông N đi vay tiền tại Ngân hàng, với lý do làm ăn và giải quyết công việc gia đình với số tiền là 3.700.000.000 đồng. Cụ thể: Đầu năm 2020, vợ chồng ông D, bà Á có đề xuất muốn bán 01 lô đất với giá 1.400.000.000 đồng, vợ chồng ông bà đồng ý mua và vay Ngân hàng V2 số tiền 1.000.000.000 đồng. Bà Á làm hết thủ tục vay tại Ngân hàng V3, vợ chồng ông bà chỉ đến ký thủ tục. Sau khi giải ngân thì ông bà đưa 700.000.000 đồng tiền cọc đất, bà Á mượn thêm 200.000.000 đồng và đưa lại 100.000.000 đồng cho ông bà. Vào tháng 05/2020, bà Á có tiếp tục xuống vay vợ chồng ông số tiền 500.000.000 đồng (giải ngân đợt 2 tại Ngân hàng V4). Tổng cộng tiền nợ là 700.000.000 đồng. Lần tiếp theo vợ chồng bà Á nhờ vợ chồng đứng vay tại Ngân hàng V5 số tiền 4.500.000.000 đồng (trong đó 1.500.000.000 đồng đem tất toán tại Ngân hàng V4). Số tiền vay 3.000.000.000 đồng còn lại bà Á nhận. Tổng cộng các lần vay là 3.700.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng ông bà thế chấp nhà đất của mình tại H đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Việc trả lãi mặc dù không ghi giấy tờ gì nhưng có thỏa thuận miệng tiền lãi trả cho Ngân hàng do vợ chồng bà Á trả cho toàn bộ khoản vay 4.500.000.000 đồng, và đã thực hiện trả lãi từ năm 2023 cho đến tháng 04/2025. Ông bà nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền, gửi thông báo nhưng ông D, bà Á cố tình không trả. Kể từ tháng 05/2025 đến nay, ông D, bà Á không trả nợ lãi Ngân hàng nên ông bà phải đi vay mượn tiền bên ngoài trả nợ vì sợ nhà đất sẽ bị Ngân hàng phát mãi, không có chỗ ở cho đại gia đình. Nay ông bà yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị Á phải thanh toán số tiền nợ là: 3.792.130.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 3.700.000.000 đồng, Nợ lãi là: 92.130.000 đồng (theo lãi suất 10%/năm) tạm tính từ ngày 01/6/2025 đến 01/8/2025.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc: 3.700.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc 3.700.000.000 đồng kể từ ngày 01/6/2025 đến ngày xét xử 30/9/2025 (04 tháng) là 122.840.000 đồng. Tổng số tiền là 3.822.840.000 đồng.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn D trình bày: Khoảng tháng 07-08/2023 vợ chồng ông có nhờ ông N và bà T đứng vay dùm tại Ngân hàng V5 số tiền 2.500.000.000 đồng. Sau đó bà Á nói với ông vay thêm 200.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền mà ông biết vợ chồng ông vay là 2.700.000.000 đồng. Đến tháng 04/2024, ông và bà Á có ký và giấy xác nhận mượn sổ và nhà, trong đó có nội dung vợ chồng ông vay tiền 03 lần: Lần 1 là 1.000.000.000 đồng, lần 2 là 2.500.000.000 đồng; lần 3 là 200.000.000 đồng và một khoản tiền để bán đất kiệt 82 (giấy này do bà Hồ Thị Ánh V1, ông và bà Á cùng ký xác nhận). Ông xác nhận trong khoản tiền vay này, ông chỉ vay vợ chồng ông N, bà T số tiền 2.700.000.000 đồng còn lại số tiền 1.000.000.000 đồng là khoản vay riêng của bà Hồ Thị Á (ông không sử dụng khoản tiền này). Việc trả lãi cho khoản vay 4.500.000.000 đồng tại Ngân hàng V5 của ông N, bà T từ tháng 07/2023 đến tháng 04/2025 do ông đứng ra chi trả (mỗi tháng ông chuyển vào tài khoản của bà T để Ngân hàng trừ tiền). Nay do làm ăn thua lỗ nên ông bà mất khả năng thanh toán không trả được tiền nợ cho ông N, bà T. Nay, ông N, bà T yêu cầu hai vợ chồng ông trả số tiền 3.700.000.000 đồng thì ông D sẽ thống nhất lại với bà Á về số tiền nợ này. Vì việc vay mượn 1.000.000.000 đồng của bà Á thì ông không rõ, ông chỉ biết số nợ 2.700.000.000 đồng. Ông thống nhất việc trả lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 01/6/2025 đến nay trên số tiền nợ 2.700.000.000 đồng vì thực tế trước đây ông là người đứng ra trả khoản tiền lãi này cho Ngân hàng. Ông xin thời gian 06 tháng để xử lý công việc, bán tài sản để trả nợ cho ông N, bà T.

+ Bà Hồ Thị Á trình bày: Bà và ông N là anh em ruột nên bà có nhờ vợ chồng ông N, bà T vay Ngân hàng V5 số tiền 2.700.000.000 đồng chia thành hai lần: Một lần 2.500.000.000 đồng và một lần 200.000.000 đồng. Bà trả lãi theo lãi suất của Ngân hàng. Vợ chồng bà có viết giấy mượn sổ và nhà ngày 03/4/2024, giấy này do bà viết và vợ chồng bà cùng ký xác nhận. Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng bà viết trong giấy mượn sổ và nhà ngày 03/4/2024 là do bà T đọc cho bà viết vào buổi sáng sớm, bà viết nhầm nửa chừng thì bà không viết nữa do bà viết không rõ ràng. Vì trước đây bà và bà T có trao đổi về việc cọc đất tại K82 là 700.000.000 đồng, đền C 700.000.000 đồng sau đó bà với bà T thống nhất không trả lại 1.400.000.000 đồng mà chỉ trả 1.000.000.000 đồng nên bà viết trên giấy 1.000.000.000 đồng đây là tiền thỏa thuận về đất không phải tiền vay. Trong quá trình mượn tiền của Ngân hàng, bà chỉ vay một Ngân hàng V5 số tiền

2.700.000.000 đồng. Trước đây, ông N, bà T vay của Ngân hàng V3 1.500.000.000 đồng, ông bà tất toán để vay bên Ngân hàng V5. Vợ chồng bà trả lãi trên tổng số tiền ông N, bà T vay của Ngân hàng 4.500.000.000 đồng lý do vợ chồng bà trả lãi vì trước đây vợ chồng bà có bán một lô đất K82 mà chưa ra sổ nên bà có nói với bà T để vợ chồng bà trả luôn số tiền lãi cho Ngân hàng số tiền 4.500.000.000 đồng. Đến tháng 04/2025 do kinh tế khó khăn nên ông bà không trả lãi cho ông N, bà T. Bà yêu cầu chỉ trả tiền lãi 2.700.000.000 đồng thì ông N bà T không đồng ý và có hành vi không đúng tại nơi làm việc nên bà không trả tiền. Nay, ông N, bà T yêu cầu trả số tiền gốc 3.700.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 01/6/2025 đến nay thì bà Á chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 2.700.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 01/6/2025 đến nay. Đồng thời, xin thời gian 06 tháng để ông D, bà Á trả dần khoản nợ trên.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2025/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 280; Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Hồ Ngọc N đối với bà Hồ Thị Á và ông Nguyễn Văn D.

Buộc bà Hồ Thị Á và ông Nguyễn Văn D phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Hồ Ngọc N số tiền 3.822.840.000 đồng (*Ba tỷ tám trăm hai mươi hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Trong đó nợ gốc 3.700.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/6/2025 cho đến ngày xét xử 30/9/2025 là: 122.840.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm: 108.456.800 đồng (*Một trăm linh tám triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm đồng*) bà Hồ Thị Á và ông Nguyễn Văn D phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Hồ Ngọc N số tiền tạm ứng án phí 53.000.000 đồng (*Năm mươi ba triệu đồng*) ông bà đã nộp theo biên

lai thu số 0000350 ngày 11/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng và số tiền tạm ứng án phí 2.303.250 đồng (*Hai triệu ba trăm linh ba nghìn hai trăm năm mươi đồng*) ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0002172 ngày 29/8/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2025, bị đơn bà Hồ Thị Á có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận số nợ 1.000.000.000 đồng mà tờ giấy ghi mập mờ, không tin tưởng, không chính xác, thực tế số nợ chỉ là 2.700.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến lần hai nhưng vẫn vắng mặt. Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Hồ Thị Á cũng như là người kháng cáo bà Hồ Thị Á là ông Trần Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Hồ Thị Á thì thấy: Vào năm 2023, thông qua mối quan hệ anh em trong gia đình, bà Á, ông D có nhờ ông N, bà T đứng ra vay Ngân hàng V5 số tiền 4.500.000.000 đồng, trong đó số tiền cho ông Á, bà D vay là 3.700.000.000 đồng, ông N, bà T đồng ý và thế chấp nhà đất của mình tại H T, phường H, quận L, nay là phường H, thành phố Đà Nẵng nhằm đảm bảo cho khoản vay trên. Việc trả lãi sẽ do vợ chồng ông D trả (có giấy mượn sổ và nhà ngày 03/4/2024 do bà Á viết, ông D và bà Á cùng ký xác nhận). Việc vay tiền giữa bà T, ông N và bà Á, ông D được các bên thừa nhận. Tuy nhiên, theo ông D và bà Á thì chỉ xác nhận có nợ bà T, ông N số tiền 2.700.000.000 đồng và thống nhất việc trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/ năm cho khoản nợ 2.700.000.000 đồng từ ngày 01/6/2025 cho đến ngày xét xử. HĐXX xét thấy: Căn cứ vào giấy mượn sổ và nhà ngày 03/4/2024 có đầy đủ chữ ký, chữ viết của bà Á, ông D không có dấu hiệu tẩy sửa, bị đơn đều thừa nhận đã viết và ký xác nhận với số nợ 3.700.000.000 đồng, trong đó có nội dung ghi nợ số tiền 1.000.000.000 đồng. Đồng thời, kể từ thời điểm vay Ngân hàng V5 số tiền 4.500.000.000 đồng thì ông D, bà Á trả lãi cho toàn bộ số tiền nợ này (với lý do trả luôn khoản tiền lãi của tiền nợ và tiền nhận đặt cọc bán lô đất tại K82 là

700.000.000 đồng). Như vậy có thể xác định rõ số nợ gốc mà bà Á, ông D có nợ ông N, bà T là 3.700.000.0000 đồng. Bà Á, ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Á, ông D phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 3.700.000.000 đồng và nợ lãi từ ngày 01/6/2025 đến ngày xét xử, ngày 30/9/2025 theo mức lãi suất 10%/ năm (tức là 0,83%/ tháng) là 122.840.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 3.822.840.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Ánh .

[4] Về án phí DSST: Ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Á phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Hồ Thị Á phải chịu án phí DSPT.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm với nội dung không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Ánh . Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280; 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Á đối với ông Hồ Ngọc N và bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2025/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 thành phố Đà Nẵng.

3. Án phí DSPT: Bà Hồ Thị Á phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004443 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân Khu vực 4 TP Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 4 TP Đà Nẵng;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé

